

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-PT

Ngày: 17-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền, bà Nguyễn Thị Bích Đào

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Tổng Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, (tuyên án ngày 17 tháng 3 năm 2021) tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2020/TLPT-DS ngày 06/10/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Dương Văn C**, sinh năm 1960; địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1970; trú tại: Xã Ê, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Phan Văn Chiếu, Công ty Luật TNHH Hà Châu, Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh, địa chỉ: Số 09 đường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

- *Bị đơn:* **Ông Dương Thanh B**, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Đình Giáp, Văn phòng Luật sư Lê Hùng, Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh, địa chỉ: Số 58, đường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Hải A (có mặt),

+ Bà Lê Thị T (vắng mặt), người đại diện theo ủy quyền của bà T: Anh Dương Thanh T, sinh năm: 1989, (có mặt)

+ Anh Dương Văn Đ (có mặt)

+ Chị Trương Thị N, sinh năm: 1976 (có mặt),

- + Chị Đậu Thị Ngọc H, sinh năm: 1987 (*vắng mặt*),
Cùng có địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.
- + Bà Dương Thị X, sinh năm 1950; trú tại: Xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (*vắng mặt*).
- + Ông Dương Thanh L, sinh năm 1958; trú tại: Xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (*vắng mặt*).
- + Bà Dương Thị Hành, sinh năm 1965; trú tại: Xã Tân Lập, huyện KRông Búp, tỉnh Đắk Lắk (*vắng mặt*).
- + Ông Dương Văn T, sinh năm 1969; trú tại: Xã Ea tó, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (*vắng mặt*).
- + Bà Dương Thị M, sinh năm 1972; trú tại: Xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).
- + Bà Dương Thị H, sinh năm 1970; trú tại: Xã Ê Đê, huyện Krông Búp, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).
- + Chị Dương Thị Minh, sinh năm 1980; trú tại: Xã Ê Đê, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (*vắng mặt*).
- + Chị Võ Thị N, sinh năm 1982; trú tại: Xã Ê Đê, huyện Krông Búp, tỉnh Đắk Lắk (*vắng mặt*).
- + Anh Võ Hồng Đ, sinh năm 1985; trú tại: Xã Ê Đê, huyện Krông Búp, tỉnh Đắk Lắk (*vắng mặt*).
- Đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị X, ông Dương Thanh L, bà Dương Thị Hành, ông Dương Văn T, bà Dương Thị M, chị Dương Thị Minh, chị Võ Thị N, anh Võ Hồng Đ: Bà Dương Thị H, sinh năm 1970; trú tại: Xã Ê Đê, huyện Krông Búp, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T, Công chức địa chính xã T, (*vắng mặt*)
- UBND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T, Phó Trưởng phòng Tài nguyên, Môi trường huyện L, (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn: ông Dương Văn C trình bày:

Cha mẹ ông Dương Văn C là cụ Dương X (chết năm 2013) và cụ Nguyễn Thị C (chết năm 2014) sinh được 08 người con, gồm: Bà Dương Thị X, Dương Thị L, ông Dương Thanh L, ông Dương Văn C, bà Dương Thị Hành, ông Dương Văn T, bà Dương Thị H và bà Dương Thị M. Bà Dương Thị L đã chết, hiện có ba người con là anh Dương Thị M, chị Võ Thị N, anh Võ Hồng Đ. Cụ X, cụ C không có con riêng, con nuôi và trước khi chết không để lại di chúc. Trước năm 1980, cụ X, cụ C khai hoang được một thửa đất ở thôn Y, xã T,

huyện L làm đất màu, sản xuất, sinh sống. Đến năm 1982, được Nhà nước đo đạc ghi tên người sử dụng đất là Dương X thể hiện tại bản đồ 299 và sổ mục kê đất đai. Thửa đất thuộc thửa số 620 tờ bản đồ số 2 bản đồ 299 có diện tích 5019m². Cụ X, cụ C sử dụng ổn định đến năm 1989 thì đi làm ăn xa, để lại thửa đất cho con trai là ông Dương Văn C tiếp tục sử dụng. Đến năm 1992, ông C đi vào Miền Nam thăm bố mẹ và cùng ở lại sinh sống. Thửa đất của cụ Dương X nằm liền kề với thửa đất của ông Dương Thanh B nên năm 1998 gia đình cụ Dương X về gặp ông B, hai gia đình cũng đã xác định lại ranh giới thửa đất. Đến năm 2019, các con của cụ Dương X về cải tạo lại thửa đất để sử dụng thì ông B đã cho con trai là Dương Văn Đ làm nhà ở, một phần đã bán cho anh Nguyễn Hải Ánh.

Các con của cụ Dương X đã làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết để đòi lại quyền sử dụng thửa đất nói trên. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay các đồng thừa kế của cụ Dương X, cụ Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Thanh B phải trả lại thửa đất nói trên cho gia. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế về việc giao thửa đất nói trên cho bà Dương Thị H được quyền sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ đòi lại phần diện tích ông B đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Hải A; còn đối với phần diện tích ông B cho con trai là Dương Văn Đ làm nhà ở và trồng hoa màu (khoảng 1250m²) thì tiếp tục giao cho ông B sử dụng.

Phía bị đơn ông Dương Thanh B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp giữa gia đình ông Dương Văn C và gia đình ông B, cụ thể: Thửa đất có nguồn gốc là của cụ Dương X. Năm 1989 gia đình cụ X đi làm ăn xa để lại cho con trai là ông Dương Văn C sử dụng, đến năm 1992 ông C cũng đi vào Đắk Lắk làm ăn, để lại thửa đất không có ai sử dụng nên ông B đã cải tạo sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay. Đến năm 2014 ông B làm một ngôi nhà trên một phần thửa đất cho con trai là anh Dương Văn Đ ở. Từ đó đến nay gia đình ông B cải tạo và sử dụng ổn định không có tranh chấp. Đến năm 2017 ông B bán thửa đất còn lại cho anh Nguyễn Hải Ánh. Ông Dương Thanh B cho rằng thửa đất tranh chấp nói trên gia đình ông B đã sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay; hàng năm gia đình ông C có về thăm quê, biết được gia đình ông B đang sử dụng nhưng cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, ông B yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C.

Ông Nguyễn Hải Ánh trình bày: Năm 2017, biết được gia đình ông B có nguyện vọng bán một phần đất nên ông Ánh đã đến hỏi mua. Hai bên có làm giấy tờ viết tay, cụ thể: Ông Dương Thanh B bán cho ông Nguyễn Hải A thửa đất diện tích 05 sào = 2500m² với giá là 375.000.000 đồng (*Ba trăm bảy lăm triệu đồng*), thửa đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường kè biển, phía Nam giáp đường thôn; phía Tây giáp bờ ranh đất ông Dương Thanh B; phía Bắc giáp đất ông T. Sau khi mua ông A đã xây tường rào bao quanh và sử dụng ổn định từ đó đến nay, chủ yếu là trồng cây ngắn ngày.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Hải A không yêu cầu Tòa xem xét tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Thanh B mà chỉ yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện UBND huyện L và UBND xã T, huyện L thống nhất trình bày:

Thửa đất tranh chấp là thửa đất số 620 tờ bản đồ số 2 bản đồ 299, thôn Y, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh nay thuộc các thửa đất số 104, 105, 106, 107 tờ bản đồ số 8 và thửa số 02, 03 tờ bản đồ số 9, bản đồ đo vẽ sau khi cấp đất. Hiện tại toàn bộ diện tích thửa đất tranh chấp nói trên chưa có Quyết định thu hồi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và cũng chưa cấp giấy chứng nhận QSD đất. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp như nguyên đơn trình bày là đúng. Thửa đất có nguồn gốc là đất khai hoang; thuộc loại đất nông nghiệp; thời điểm đo vẽ bản đồ 299 mang tên người sử dụng đất là Dương X. Hiện tại thửa đất không nằm trong quy hoạch mới của chính quyền địa phương. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì trên thửa đất tranh chấp có một số tài sản, gồm: Diện tích 994,4m² đất đang trồng vùng; 3,88m³ móng đá học công trình vệ sinh chăn nuôi; 103,19m tường rào xây và 139 cây phi lau, bạch đàn.

Tranh chấp trên đã được giải quyết tại bản án số 02/2020/DS-ST ngày 17-8-2020 của TAND huyện L, căn cứ Điều 164, 166, Điều 579, Điều 580, Điều 582 và Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 690 Bộ luật Dân sự năm 1995; Khoản 5 Điều 26, Điều 188, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 14, Điều 17 Luật đất đai năm 1987, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Dương Thanh B và anh Nguyễn Hải A phải liên đới trả lại cho bà Dương Thị H diện tích đất 3563,1m² ở thôn Y, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất thuộc thửa đất số 620 tờ bản đồ số 2 bản đồ 299 (*Theo bản đồ đo đạc năm 2012, thôn Y, xã T thì phần đất thuộc thửa đất số 105, 106, 107 tờ bản đồ số 8 và thửa số 02, 03 tờ bản đồ số 09*), phần đất có các tứ cận như sau: (*Có sơ đồ kèm theo bản án*)

Phía Bắc giáp đất gia đình ông Võ Hồng T và ông Võ Hồng C đang sử dụng, Từ mốc số 01 – 02 – 03 – 16 – 15 – 14 – 13 – 12 trên sơ đồ

Phía Nam giáp đường bê tông từ mốc số 20 – 21 trên sơ đồ

Phía Đông giáp đường bê tông (*Đường kè biển*), Từ mốc số 21 – 22 – 1 trên sơ đồ

Phía Tây giáp đất anh Dương Văn Đ (*Con ông B*) đang sử dụng. Từ mốc số 20 – 12 trên sơ đồ và giáp đất gia đình ông Võ Hồng C, Võ Hồng T đang sử dụng, Từ mốc số 14 – 15, số 3 – 16 trên sơ đồ.

- Bà Dương Thị H có nghĩa vụ làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Giao cho bà Dương Thị H được quyền sở hữu 103,19m tường rào xây (Tính cả móng), trị giá 39.656.000 đồng; 139 cây phi lao, bạch đàn trị giá 2.613.600 đồng, tổng cộng là 42.269.600 đồng.

- Bà Dương Thị H phải bồi thường cho anh Nguyễn Hải A số tiền 42.269.600 đồng.

Ngoài ra án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Không đồng tình với bản án sơ thẩm, ngày 26/8/2020, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và ý kiến đã trình bày, các đương sự không thông nhất được về nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về xác định việc thực hiện nghĩa vụ của bị đơn đối với người khởi kiện là ông Dương Văn C chứ không phải bà Dương Thị H như phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm. Đối với việc xác định chưa chính xác tư cách tham gia tố tụng của bị đơn là có sai sót nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án; việc cấp sơ thẩm bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị N, chị Đậu Thị Ngọc H là có vi phạm nhưng cấp phúc thẩm đã triệu tập những người này đến làm việc là cơ bản đã khắc phục được thiếu sót.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Kiện đòi lại tài sản” là thực hiện đúng quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Dương Văn C (đơn không đề ngày, tháng, năm) yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Hải Ánh trả lại diện tích đất thuộc di sản thừa kế của các đồng thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, xác định nguyên đơn là ông Dương Văn C, bị đơn là anh Nguyễn Hải A. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tự ý thay đổi tư cách tham gia tố tụng, xác định ông Dương Thanh B là bị đơn và anh Nguyễn Hải A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, tòa án cấp sơ thẩm đã xác định không đúng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định tại khoản 3, 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Mặt khác, trong vụ án này, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “kiện đòi lại tài sản” nhưng trên thực tế ông B hiện nay không sử dụng tài sản này mà người

đang sử dụng đất là anh Nguyễn Hải A và anh Dương Văn Đ nên phải xác định bị đơn là những người này (đang sử dụng tài sản) để buộc họ trả lại tài sản cho nguyên đơn.

[1.3] Về triệu tập đương sự tham gia giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đậu Thị Ngọc H (vợ anh Dương Văn Đ), chị Trương Thị N (vợ anh Nguyễn Hải A) có văn bản khiếu nại Tòa án cấp sơ thẩm về việc không được triệu tập tham gia giải quyết vụ án là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Cấp phúc thẩm thấy rằng, trong phần nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm, tuyên buộc anh Nguyễn Hải A phải trả lại đất, di dời và được bồi thường tài sản trên đất. Tuy nhiên cần xác định rằng đây là tài sản chung của gia đình anh Nguyễn Hải A nên phải xác định vợ anh A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặt khác, một phần nội dung khởi kiện có liên quan đến phần đất hiện anh Dương Văn Đ đang sử dụng, vợ chồng đang làm nhà ở. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa vợ anh Dương Văn Đ, vợ anh Nguyễn Hải A vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Những vấn đề này cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh có ý kiến cho rằng, chị H, chị N đã được cấp phúc thẩm triệu tập đến phiên tòa đã cơ bản đã khắc phục được vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng. Việc Tòa án sơ thẩm không đưa những người này tham gia tố tụng đã làm mất quyền của đương sự được quy định cụ thể tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về tính hợp pháp của văn bản ủy quyền tham gia tố tụng của bà Dương Thị X, ông Dương Thanh L, bà Dương Thị H, ông Dương Văn T, bà Dương Thị M, chị Dương Thị Minh, chị Võ Thị N, anh Võ Hồng Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu giám định chữ ký của những người này tại văn bản ủy quyền. Bà Dương Thị H thừa nhận có ký không vào văn bản ủy quyền sau khi đã trực tiếp hỏi ý kiến của các thành viên trong gia đình, thống nhất việc ủy quyền cho bà tham gia tố tụng. Như vậy, việc ủy quyền của đương sự trong vụ án là không hợp pháp. Mặt khác, tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế về việc giao cho bà Dương Thị H được quyền sử dụng thửa đất này trong khi thủ tục ủy quyền không hợp pháp cũng như không có văn bản thỏa thuận của các đồng thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết và quyết định quyền được sử dụng thửa đất cho bà Dương Thị H là không đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đơn khởi kiện của ông Dương Văn C (BL 01) không đề ngày, tháng, năm; không thể hiện nội dung khởi kiện và những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 193 Bộ luật Tố tụng dân sự nên quá trình giải quyết vụ án đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng cũng như đường lối giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần nội dung khởi kiện (không yêu cầu ông Dương Thanh B phải trả lại đất (nay vợ chồng anh Điệp đang sử dụng). Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh được Tòa án nhân dân huyện L thực hiện tại UBND xã T, huyện L (BL92) thể hiện nội dung một phần diện tích đất đang tranh chấp đã được nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho ông Dương Thanh B tại Giấy CNQSD đất số BV989804 ngày 27/6/2014 với diện tích 1642,8m² tại thửa 131, tờ bản đồ địa chính số 8, tại xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định tại chỗ thể hiện phần diện tích vợ chồng anh Điệp đang sử dụng có diện tích 1250,9m². Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm không xác định cụ thể phạm vi rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, dẫn đến việc chưa làm rõ phần diện tích rút yêu cầu khởi kiện có diện tích cụ thể là bao nhiêu? Từ đó mới có đủ cơ sở để giải quyết toàn diện vụ án.

[2.2] Về nguồn gốc thửa đất: Các đương sự đều thừa nhận, thửa đất số 620 tờ bản đồ số 2 bản đồ 299 tại thôn Y, xã T, huyện L có diện tích 5019m² nguồn gốc của cụ Dương X, vợ là cụ Nguyễn Thị Chế khai hoang từ năm 1980. Năm 1982 đã được chính quyền xác nhận tại bản đồ 299 và Sổ mục kê. Năm 1989, cụ Dương X đi vào Miền Nam để lại cho con trai là ông Dương Văn C sử dụng. Năm 1992, ông C cũng đi vào Nam không sử dụng từ đó đến nay. Năm 1992, ông Dương Thanh B được nhà nước giao sử dụng một thửa đất gần đó và đã sử dụng luôn thửa đất này. Đến năm 2014, ông B giao một phần đất cho con trai là anh Dương Văn Đ xây nhà và sinh sống, phần còn lại đến năm 2017 ông B bán cho anh Nguyễn Hải A. Thửa đất cụ Dương X hiện nay anh Đ và anh A đang sử dụng. Nguyên đơn không yêu cầu anh Đ trả lại phần diện tích đang sử dụng mà chỉ yêu cầu ông B trả lại phần diện tích đã bán cho anh A.

Như vậy, khẳng định thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Dương X, bà Nguyễn Thị C như nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Tuy nhiên tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự còn tồn tại nhiều mâu thuẫn về thời điểm cụ Dương X không sử dụng đất (năm 1989, năm 1990 hay năm 1992) nhưng cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ để có căn cứ xác định quyền sử dụng đất hợp pháp của các đương sự là có thiếu sót.

Từ các nội dung trên thấy rằng, bản án sơ thẩm đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, việc thu thập đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, cấp phúc thẩm không khắc phục được nên hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Án phí, chi phí tố tụng: Ông Dương Thanh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại trong quá trình giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; Điều 313; khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 17-8-2020 của TAND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Giao hồ sơ cho TAND huyện L giải quyết sơ thẩm lại theo quy định.

2. Hoàn trả cho ông Dương Thanh B số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0008277 ngày 01/9/2020 tại Chi cục THADS huyện L. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi TAND huyện L giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, THA sơ thẩm;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông